

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2022/DS-PT

Ngày: 25-8-2022

*V/v Tranh chấp về hợp đồng
đơn mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- TH2nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn TH2nh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn V Đức

Ông Đặng Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh TH2nh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng đơn mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 202/2022/QĐ-PT ngày 11/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2022/QĐ-PT ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc V, sinh năm: 1965; Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông V: Luật sư Nguyễn Thị H - V P luật sư TH2nh Phát thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Thu H2, sinh năm: 1970; trú tại: Số 150, thôn T, xã H, huyện H. Có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà H2: Luật sư Chu Khắc Hoài D - V P luật sư D và Cộng sự thuộc đoàn luật sư TH2nh phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hoàng Đông P, sinh năm: 1965; trú tại: Số 150, thôn T, xã Nam H, huyện H. Có đơn xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Đoàn Ngọc Mi, sinh năm: 1962; bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963; cùng trú tại: Thôn T, xã H, huyện H. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn bà Đặng Thị Thu H;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đông P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L trình bày:

Do vợ chồng ông P, bà H2 là chủ đại lý mua bán cà phê nên ông V, bà L có mua bán cà phê với bà H2 từ năm 2015 đến năm 2020. Sau khi nhiều lần mua bán cà phê thì đến ngày 16/7/2020, hai bên chốt lại nợ thì bà H2 còn nợ ông V, bà L số tiền 522.177.000đồng, số cà phê mới cân là 508.892.000đồng, cộng chung hai khoản là 1.031.069.000đồng. Bà H2 đã trả cho ông V, bà L được 80.000.000đồng còn nợ lại 951.069.000đồng. Bà H2 ký nợ số tiền này có giấy ký nhận nợ ghi ngày 16/7/2020.

Ngày 20/7/2020, bà H2 đến cân của ông V, bà L 10.550kg cà phê nhân với giá 32.700đồng/01 kg, thành tiền là 344.985.000đồng. Bà H2 trả cho ông bà 330.000.000đồng còn thiếu 14.985.000đồng. Bà H2 có ký giấy nhận nợ ghi ngày 20/7/2020. Ngày 27/7/2020 bà H2 đến cân 15.722,3kg cà phê nhân khô loại Rôbusta với giá 34.800đồng/01 kg, tH2nh tiền 547.136.000đồng. Ngày 31/7/2020 bà H2 trả được cho ông V, bà L 450.000.000đồng còn nợ lại 97.136.000đồng. Có ký giấy nhận nợ ghi ngày 27/7 và 31/7. Như vậy, cộng ba khoản nợ lại thì bà H2 còn nợ ông V, bà L 1.063.190.000đồng.

Ông V, bà L mua bán với bà H2 nhưng việc bà H2 buôn bán là để phát triển kinh tế gia đình, khi cân cà phê thì có bà H2 và lái xe anh Lê V Phong trực tiếp cân cà phê nhưng sau đó ông V, bà L đến nH2 lấy tiền thì ông P làm việc với ông V, bà L và có lần ông P là người trực tiếp trả tiền cho ông V, bà L. Vì vậy khi bà H2 không trả nợ thì ông V, bà L có đòi cả ông P, ông P cũng đồng ý

trả nợ cho ông V, bà L. Ông V, bà L có ghi âm cuộc nói chuyện lại nộp cho Tòa án nhưng sau đó ông P cũng không trả. Đây là nợ chung của ông P, bà H2 nên khởi kiện yêu cầu bà H2, ông P phải cùng có trách nhiệm trả cho ông V, bà L số tiền 1.063.190.000đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng).

Quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án thì ngày 09/10/2020 ông Hoàng Đông P, bà Đặng Thị Thu H2 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đoàn Ngọc Minh, bà Nguyễn Thị Liên, hợp đồng được công chứng tại V P công chứng Ngô V Thao, số chứng thực 4061, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD đối với diện tích đất 5.818m² thuộc thửa số 206, tờ bản đồ số 18 tọa lạc tại thôn Sóc Sơn, xã Nam H2, huyện Lâm H2, tỉnh Lâm Đồng. Để đảm bảo cho việc thi H2nh án ông V, bà L đã yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tòa án đã ban H2nh Quyết định số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2020 về việc phong tỏa tài sản trên nên ông V, bà L yêu cầu duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2020 của Tòa án để đảm bảo việc thi H2nh án sau này.

Bị đơn bà Đặng Thị Thu H2 trình bày: Việc bà H2 mua bán cà phê với vợ chồng ông V, bà L nhiều lần như ông V, bà L khai là đúng. Tính đến ngày 31/7/2020, hai bên chốt giấy nợ thì bà H2 còn nợ ông V, bà L số tiền 1.063.190.000đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng), bà H2 có ký xác nhận nợ trên. Các giấy nhận nợ mà ông V, bà L nộp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của bà H2.

Vợ chồng bà kinh doanh mua bán cà phê gần 20 năm nay nhưng khoảng 03-04 năm nay ông P làm kinh doanh khách sạn riêng, mọi việc mua bán cà phê trong nH2 do một mình bà H2 làm, ông P không biết nên ông P không liên quan đến số nợ trên. Khi ông V, bà L đến nH2 ông P vẫn tiếp và đoạn ghi âm mà ông V, bà L nộp cho Tòa án đúng là giọng nói của ông P nhưng ông P không liên quan đến việc mua bán cà phê, bà sẽ có trách nhiệm trả số nợ trên. Nay ông V, bà L khởi kiện yêu cầu bà H2 trả số tiền 1.063.190.000đồng bà đồng ý trả nhưng để bà bán đất thì bà mới trả được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Đông P trình bày: Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L với lý do, từ năm 2018 ông ra huyện Đức Trọng kinh doanh, đầu tư riêng, không liên quan đến tài chính, kinh tế cũng như kinh doanh của vợ ông bà H2, mặc dù vợ chồng ông bà vẫn ở với nhau. Việc ông V có gọi điện thoại cho ông hỏi về số tiền nợ của vợ ông mua bán giao dịch gì đó thì trong lúc bà H2 mới đi viện về đầu óc không

được tỉnh táo, ông có trả lời thay bà H2 đúng như trong lời thoại trong đoạn ghi âm mà ông V ghi lại. Ông không liên quan gì đến việc mua bán của bà H2 nên ông không đồng ý trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Ngọc Minh, bà Nguyễn Thị Liên trình bày: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các V bản tố tụng cho ông Minh, bà Liên theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Minh, bà Liên vắng mặt và không có V bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tòa án đã tiến H2nh hòa giải nhưng không tH2nh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H2 đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L đối với bị đơn bà Đặng Thị Thu H2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đông P. Về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Buộc bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền 1.063.190.000đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng).

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H2, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P phải chịu 21.948.000đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí 21.948.000đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng) mà ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007635 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi H2nh án dân sự huyện Lâm H2.

Ngoài ra quyết định của bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi H2nh án của các đương sự.

Ngày 08/4/2021, bị đơn bà Đặng Thị Thu H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đông P kháng cáo một phần bản án. Yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bị đơn bà Đặng Thị Thu H2 phải trả số

tiền 1.063.190.000đ cho nguyên đơn ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L; không buộc ông Hoàng Đông P phải cùng liên đới trả số tiền 1.063.190.000đồng.

Tại phiên tòa,

Bà H2, ông P có đơn xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà H2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn theo hướng buộc bị đơn bà H2 thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, có trừ đi số tiền bà H2 đã thanh toán 97.871.000đồng và đề nghị huỷ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đề phía bị đơn bán tài sản trả nợ cho nguyên đơn.

Nguyên đơn ông V, bà L và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông V không chấp nhận kháng cáo của bà H2, ông P, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm và đồng ý trừ số tiền đã nhận 97.871.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp H2nh pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp H2nh đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bà H2, ông P; Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng căn trừ số tiền bị đơn bà H2 đã thanh toán được 97.871.000đồng, còn lại buộc bà H2, ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Liên, ông Đoàn Ngọc Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến H2nh xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông V, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H2, ông P có trách nhiệm liên đới trả cho ông V, bà L số tiền còn thiếu 1.063.190.000đồng. Bị đơn bà H2 cho rằng đây là khoản nợ riêng của bà nên bà đồng ý trả nợ cho ông V, bà L. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là có căn cứ.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thừa nhận sau khi xét xử sơ thẩm bà Đặng Thị Thu H2 đã thanh toán cho nguyên đơn được số tiền 97.871.000đồng, đồng ý căn trừ vào số nợ gốc 1.063.190.000đồng còn nợ lại 965.319.000đồng đây là tình tiết sự kiện được các bên thừa nhận. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không cần phải chứng minh.

[2.2] Xét kháng cáo của bà H2, ông P thấy rằng:

Ông V, bà L và bà H2 đều thừa nhận từ năm 2015 ông V, bà L có bán cà phê cho bà H2 rất nhiều lần. Theo giấy xác nhận nợ thì bà H2 còn nợ ông V, bà L số tiền 1.063.190.000đồng. Bà H2 xác định đây là nợ riêng và đồng ý trả, còn ông P cho rằng đã không còn làm ăn chung với bà H2 và đã ra huyện Đức Trọng kinh doanh khách sạn nên không biết khoản nợ này nên không đồng ý liên đới trả nên các bên phát sinh tranh chấp.

Theo giấy nhận nợ (bút lục số 17, 18, 19) bà H2 còn nợ ông V, bà L tổng số tiền 1.063.190.000đồng và bà H2 cũng thừa nhận các giấy xác nhận nợ trên đúng là chữ ký của bà. Các chứng cứ này không có chữ ký nhận nợ của ông P. Mặc dù, các giấy xác nhận nợ ông P không ký và không thừa nhận có nợ chung. Nhưng khi ông V, bà L khởi kiện tại Tòa án bà H2 thừa nhận vợ chồng đồng ý trả cho ông V, bà L nhưng do chưa thu xếp được (bút lục số 80) và khi ông V, bà L có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tại biên bản làm việc ngày 16/10/2020 (bút lục số 128) bà H2 cũng khai: *“Bà H2 là người trực tiếp mua bán ký nợ với ông V, bà L nhưng ông P chồng bà H2 đều thừa nhận nên vợ chồng bà H2 cam kết khi bán đất sẽ trả cho ông V, bà L nên bà H2 xin ông V, bà L cho bà H2 thời gian để vợ chồng bà H2 bán đất trả nợ nên bà H2 mong muốn ông V, bà L rút yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời”*.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2020 (bút lục số 214), bà H2 khẳng định vợ chồng ông P, bà H2 còn nợ ông V, bà L số tiền trên. Bà H2 yêu cầu gia hạn cho bà H2 10 ngày để tìm cách trả nợ cho ông V, bà L để ông V, bà L hủy bỏ yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Tuy nhiên, sau đó khi hai bên không thống nhất thỏa thuận được với nhau, ông V, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì bà H2 lại thay đổi lời khai, bà H2 cho rằng đây là nợ riêng của bà H2. Tại bản tự khai của ông P (bút lục số 251) và phiên tòa ông P khẳng định ông P không đồng ý ông V, bà L khởi kiện ông với lý do là từ năm 2018 ông đã ra huyện Đức Trọng kinh doanh, đầu tư riêng, không liên quan đến tài chính, kinh tế cũng như việc kinh doanh của vợ ông nên

không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông P không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh ông kinh doanh riêng và không liên quan đến việc mua bán cà phê hoặc giữa vợ chồng đã có thoả thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Theo nội dung đoạn ghi âm (bút lục số 230, 232) do ông V, bà L xuất trình thể hiện ông P biết và đồng ý trả nợ trong bản tự khai (bút lục số 251) và tại phiên tòa sơ thẩm ông P cũng thừa nhận nội dung đoạn ghi âm là đúng nhưng ông P cho rằng lý do ông trả lời cuộc hội thoại vì vợ ông mới đi viện về, không tỉnh táo nên ông trả lời thay. Bản thân ông P, bà H2 đều thừa nhận hiện nay ông bà vẫn đang chung sống với nhau, vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp. Để phát triển kinh tế gia đình ông P, bà H2 vẫn thực hiện một số giao dịch như vay vốn Ngân H2ng, thế chấp tài sản, chuyển nhượng đất..., để có nguồn vốn phục vụ cho việc mua bán nông sản cũng như việc ông P kinh doanh khách sạn tại huyện Đức Trọng. Khoản nợ trên cũng được xuất phát trong thời kỳ hôn nhân của ông P và bà H2.

Theo xác minh tại Ngân H2ng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh Lâm H2 thì được biết, năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên việc sản xuất kinh doanh của công ty TNHH H2 P gặp khó khăn, Công ty không trả lãi đúng hạn nên Ngân H2ng thông báo xử lý tài sản đảm bảo thì ông Hoàng Đông P cũng ký vào thông báo trên (bút lục số 172). Sau đó, ông P và bà H2 cùng làm đơn đề nghị ghi ngày 15/9/2020 gửi đến Ngân H2ng cho bán bớt một phần tài sản để trả nợ cho Ngân H2ng (bút lục số 171).

Như vậy, việc mua bán giữa ông V, bà L và bà H2 được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà H2 và ông P nên theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này”.

Do đó, ông P phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà H2 trả nợ cho ông V, bà H2 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, buộc bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền 1.063.190.000đồng là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn đã thanh toán số tiền 97.871.000đồng, nên cần trừ số tiền đã thanh toán vào số nợ gốc 1.063.190.000đồng, còn lại 965.319.000đồng buộc bị đơn và ông Hoàng Đồng P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn.

[2.3] Từ những phân tích trên, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà H2, ông P, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.896.000đồng, tuy nhiên bị đơn có đơn xin miễn giảm án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương nên đã miễn ½ án phí dân sự sơ thẩm cho bà H2, ông P và chỉ buộc bà H2, ông P phải chịu 21.948.000đồng, số tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm này bà H2, ông P đã thi H2nh xong.

Hoàn trả cho ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền 21.948.000đồng. Số tiền này ông V, bà L đã nhận lại.

- Án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H2, ông P phải chịu 600.000đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền này ông P, bà H2 đã nộp và đã thi H2nh xong.

[4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 15/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Lâm H2 đã ra Quyết định số 08/2021/QĐ-BPKCTT huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ số 11/2020/QĐ-BPKCTT ngày 19/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 13, 14, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà H2, ông P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 01/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm H2.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản với bị đơn bà Đặng Thị Thu H2; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đông P.

Buộc bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền 965.319.000đồng (chín trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm mười chín ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi H2nh án của người được thi H2nh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi H2nh án) cho đến khi thi H2nh án xong, bên phải thi H2nh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi H2nh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị Thu H2, ông Hoàng Đông P phải chịu 21.948.000đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã thi H2nh xong.

Hoàn trả cho ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí 21.948.000đồng (Hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng) mà ông Lê Ngọc V, bà Hoàng Thị L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007635 ngày 18/8/2020 của Chi cục thi H2nh án dân sự huyện Lâm H2 đã thi H2nh xong.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà H2, ông P mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà bà H2, ông P đã tạm nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015267, 0015259 ngày 15/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm H2. Bà H2, ông P đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm và đã thi H2nh xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi H2nh theo quy định tại Điều 2 Luật thi H2nh án dân sự thì người được thi H2nh án dân sự, người phải thi H2nh án dân sự có quyền thỏa thuận thi H2nh án, quyền yêu cầu thi H2nh án, tự nguyện thi H2nh án hoặc bị cưỡng chế thi H2nh án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật thi H2nh án dân sự; Thời hiệu thi H2nh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi H2nh án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- P KTNV&THA;
- TAND huyện Lâm H2;
- Chi cục THADS huyện Lâm H2;
- Các đương sự (07);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn TH2nh Tâm

TH2NH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn TH2nh Tâm

